

Bản án số: 454/2024/HC-PT

Ngày 24 tháng 5 năm 2024.

V/v: “Khiếu kiện quyết định và hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 43/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định và hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2023/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1386/2024/QĐPT-HC ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trương Hữu N; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L – Văn phòng L2, Đoàn Luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: số D đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; Địa chỉ: Xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Vĩnh P; chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn T; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Trương Hữu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Trương Hữu N trình bày:*

Gia đình ông N đến xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông sinh sống từ năm 1992. Năm 1996 gia đình N nhận chuyển nhượng của ông Mai Hồng C (hộ kinh tế mới) thửa đất khoảng 1.000m² nay thuộc thôn C, xã Đ, huyện T để làm nhà tạm thu mua song, mây; đến năm 1998 trồng điều, cây tràm và năm 2014 xây nhà kiên cố để kinh doanh. Ngày 12/4/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ So ban hành Quyết định số 102/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 108/QĐ-CC ngày 08/5/2017 và Quyết định số 163/QĐ-CC ngày 09/8/2017 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông N về hành vi lấn chiếm đất đai và buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm nhưng được không bồi thường, hỗ trợ. Sau đó, ông N khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã Đ So và Chủ tịch UBND huyện T nhưng không được giải quyết dứt điểm. Năm 2018, ông N dựng lại căn nhà trên một phần diện tích đất bị cưỡng chế năm 2017 thì bị Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 635/QĐ-CCXP ngày 07/4/2022 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND xã Đ về việc cưỡng chế thực hiện biện pháp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và hành vi của Chủ tịch UBND huyện T không giải quyết khiếu nại các quyết định của Chủ tịch UBND xã Đ về việc xử phạt hành chính, cưỡng chế đất của ông N là trái pháp luật;

- Hủy các Quyết định số 102/QĐ-XPVPHC ngày 12/4/2017, Quyết định số 108/QĐ-CC ngày 08/5/2017, Quyết định số 163/QĐ-CC ngày 09/8/2017 của Chủ tịch UBND xã Đ;

- Hủy Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 và Quyết định số 635/QĐ-CCXP ngày 07/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện T.

** Chủ tịch UBND xã Đ trình bày:*

Ông N lấn chiếm đất tại thửa số 56, tờ bản đồ số 108 thuộc quy hoạch đất hoa viên do UBND xã Đ quản lý. Năm 2017, UBND xã Đ đã lập biên bản vi phạm hành chính; Chủ tịch UBND xã Đ đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 102/QĐ-XPVPHC ngày 12/4/2017; Quyết định số 108/QĐ-CC ngày 08/5/2017 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông N. Ngày 11/7/2017 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số

1130/QĐ-UBND hủy bỏ một phần Quyết định số 102/QĐ-XPVPHC biện pháp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc trả lại đất lấn chiếm*”. Do đó, Chủ tịch UBND xã Đ đã ban hành quyết định số 163/QĐ-CC ngày 09/8/2017 thay thế quyết định cưỡng chế số 108/QĐ-CC ngày 08/5/2017 thi hành buộc tháo dỡ, khôi phục lại hiện trạng ban đầu đối với ông N là đúng pháp luật. Sau đó, ông N khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND xã Đ giải quyết tại Công văn số 81/CV-UBND ngày 10/8/2018, nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông N. Năm 2018 ông N tiếp tục dựng lại nhà trên đất đã bị cưỡng chế năm 2017, UBND xã Đ đã lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển hồ sơ đến Chủ tịch UBND huyện T giải quyết theo thẩm quyền. Do vậy, Chủ tịch UBND xã Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

** Đại diện của Chủ tịch UBND huyện T, trình bày:*

Diện tích đất ông N bị buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế tại các Quyết định số 502/QĐ-UBND và Quyết định số 635/QĐ-CCXP, thuộc diện tích đất xây dựng Hoa viên và Nhà tưởng niệm anh hùng N’Trang Long, nguồn gốc đất: Từ ngày 14/02/1998 trở về trước, thuộc quyền quản lý, sử dụng của Lâm trường Q; ngày 14/02/1998 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 237/QĐ-UBND giao UBND huyện Đ (nay là huyện T, tỉnh Đắk Nông) quản lý và bố trí sử dụng; năm 1999 xây dựng chợ 135 xã Đ (chợ khu vực kinh tế mới); năm 2008 được quy hoạch chợ xã Đ So diện tích 12.515m² tại Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 17/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng khu trung tâm thị trấn huyện T và Quyết định số: 1395/QĐ-UBND ngày 30-11-2009 của UBND huyện T về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm thị trấn huyện T; từ ngày 04/7/2013 đến ngày 21/6/2017 được quy hoạch xây dựng Trạm y tế xã Đ theo Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 của UBND huyện T về việc điều chỉnh, bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 30/11/2009; từ ngày 22/6/2017 đến nay, được quy hoạch xây dựng Hoa viên và Nhà tưởng niệm anh hùng N’Trang Long theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của UBND huyện T.

Ngày 04/3/2021, UBND xã Đ ban hành Công văn số 76/UBND-ĐC về việc chuyển hồ sơ vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (kèm hồ sơ vi phạm) đối với ông Trương Hữu N đến Chủ tịch UBND huyện T. Ngày 17/3/2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T phối hợp UBND xã Đ tổ chức xác minh, kết quả: Ông Trương Hữu N thừa nhận đã dựng nhà trên đất quy hoạch Hoa viên và Nhà tưởng niệm anh hùng N’Trang Long là hành vi chiếm đất phi nông nghiệp với diện tích 71,25 m², quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (Nghị định số 91/2019/NĐ-CP). Ngày 15/02/2022 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 502/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, T1 dỡ các vật kiến trúc trả lại diện tích 71,25 m² đất đã chiếm. Do ông N không chấp hành nên ngày 07/4/2022 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 635/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 15/7/2022, Đoàn cưỡng chế đã tiến hành cưỡng chế theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 14/4/2022, Chủ tịch UBND huyện T nhận được đơn khiếu nại của ông N, nội dung khiếu nại Quyết định số 502/QĐ-KPHQ và Quyết định số 635/QĐ-CCXP. Ngày 01/8/2022 Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1333/QĐ-UBND, nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông N, do đó đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2023/HC-ST ngày 23/11/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116; điểm b, g khoản 1 Điều 143; Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 28; điểm c khoản 1 khoản 2 Điều 65; điểm c khoản 1 Điều 66; các Điều 85, 86 và 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Đ a khoản 2 Điều 3; điểm d khoản 3 Điều 5; điểm đ khoản 2 Điều 38 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu N về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 102/QĐ-XPVPHC ngày 12/4/2017 xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định số 108/QĐ-CC ngày 08/5/2017 và Quyết định số 163/QĐ-CC ngày 09/8/2017 cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu N về việc tuyên bố hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ cưỡng chế thực hiện biện pháp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không giải quyết khiếu nại các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ về việc xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế đất của ông N là trái pháp luật.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu N về việc hủy các Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 635/QĐ-CCXP ngày 07/4/2022 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa của ông Trương Hữu N về việc công nhận quyền sử dụng diện tích đất đã bị cưỡng chế trường hợp phù hợp quy hoạch sử dụng đất hoặc buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường nếu thuộc trường hợp quy hoạch là đất công cộng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 05/12/2023, người khởi kiện là ông Trương Hữu N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Ông Trương Hữu N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Người đại diện theo ủy quyền người bị kiện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Trương Hữu N về tiền án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trương Hữu N là người cao tuổi, ông N tham gia bộ đội và bị nhiễm chất độc màu da cam nên ông thuộc đối tượng được miễn tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông N phải chịu án phí sơ thẩm là không đúng.

Đối với yêu cầu kháng cáo hủy Quyết định số 102/QĐ-XPVPHC ngày 12/4/2017 xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định số 108/QĐ-CC ngày 08/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện T đã giải quyết khiếu nại năm 2020 nhưng đến ngày 16/5/2023 ông N là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của ông Trương Hữu N là có căn cứ. Kháng cáo của ông N đối với vấn đề này là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông N rút yêu cầu khởi kiện về việc tuyên bố hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ cưỡng chế thực hiện biện pháp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không giải quyết khiếu nại các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ về việc xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế đất của ông N là trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu N là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa của ông Trương Hữu N về việc công nhận quyền sử dụng diện tích đất đã bị cưỡng chế trường hợp phù hợp quy hoạch sử dụng đất hoặc buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường nếu thuộc trường hợp quy hoạch là đất công cộng. Yêu cầu này là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc hủy các Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số

635/QĐ-CCXP ngày 07/4/2022 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông thì ông N không có chứng cứ chứng minh đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông mà đất thuộc quy hoạch xây dựng hoa viên và tượng đài N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Do vậy kháng cáo của ông N là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Hữu N về án phí, không chấp nhận các nội dung kháng cáo còn lại của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trương Hữu N làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc “Công nhận quyền sử dụng diện tích đất đã bị cưỡng chế; trường hợp phù hợp quy hoạch sử dụng đất hoặc buộc UBND huyện T bồi thường nếu thuộc trường hợp quy hoạch là đất công cộng” là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung này, nếu có yêu cầu thì ông N có quyền khởi kiện một vụ án khác.

Về nội dung:

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 502/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện T:

[4.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 04/2/2021, UBND xã Đ đã lập biên bản đối với ông Trương Hữu N về việc xây dựng nhà trên đất phi nông nghiệp do Nhà nước quản lý.

Ngày 01/3/2021, UBND xã Đ tiếp tục lập biên bản đề nghị ông N tháo dỡ nhà trả lại đất đã lấn chiếm nhưng ông N không chấp hành. Cùng ngày 01/3/2021, UBND xã Đ đã lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông N về hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 14, khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 38 Nghị định 91 ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 04/3/2021, UBND xã Đ đã chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của ông N đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T để tham mưu cho UBND huyện T xử lý theo quy định.

Ngày 17/3/2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đã tổ chức xác minh, kết quả xác định: Ông Trương Hữu N đã có hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp do Nhà nước quản lý (tái phạm nhiều lần) với diện tích 71,25m² theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định 91 ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Thời điểm vi phạm của ông N được phát hiện vào khoảng năm 2018 đến thời điểm lập biên bản vi phạm đã hết thời hiệu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Do đó, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trương Hữu N là đứng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 65, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[4.2] Về nội dung của quyết định:

Diện tích đất 71,25m² tọa lạc tại thôn C, xã Đ, huyện T mà ông N đã dựng nhà (khung thung ván và tôn, mái lợp tôn) bị UBND xã Đ lập biên bản vi phạm hành chính ngày 04/02/2021, có nguồn gốc: Từ năm 1998 trở về trước, thuộc quyền quản lý, sử dụng của Lâm trường Q đã được UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 14/02/1998 giao UBND huyện Đ (nay là huyện T, tỉnh Đắk Nông) quản lý và bố trí sử dụng. Từ năm 1999 xây dựng chợ 135 xã Đ (chợ khu vực kinh tế mới) tại Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 17/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng khu trung tâm thị trấn huyện T và Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND huyện T về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm thị trấn huyện T đã được quy hoạch chợ xã Đ So diện tích đất 12.515m²; Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 04/7/2013 và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của UBND huyện T về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích đất 12.515m² nêu trên được quy hoạch Trạm Y tế xã Đ tuy nhiên không được đồng thuận cao nên UBND huyện T đã chuyển vị trí xây dựng Trạm Y tế xã Đ sang vị trí mới và phần đất trên được chuyển sang quy hoạch là Hoa viên và Nhà tưởng niệm anh hùng N2 (được xây dựng năm 2020 đưa vào sử dụng vào tháng 5/2021).

Quá trình giải quyết vụ án, ông N trình bày biết đất thuộc quy hoạch xây dựng hoa viên và tượng đài N; ông N thừa nhận đã xây nhà trên diện tích đất bị cưỡng chế năm 2017 là vi phạm luật đất đai.

Như vậy, việc ông N xây dựng nhà trái phép trên phần đất 71,25m² tọa lạc tại thôn C, xã Đ So thuộc đất hoa viên và Nhà tưởng niệm anh hùng N'Trang L1 là hành vi chiếm đất phi nông nghiệp theo điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/ND-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Tuy nhiên do hết thời hiệu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 502/QĐ-UBND về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trương Hữu N là phù hợp với quy định tại Điều 38, 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[5] Đối với Quyết định 635/QĐ-CCXP ngày 07/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trương Hữu N:

[5.1] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Do ông Trương Hữu N không tự nguyện chấp hành Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định nên ngày 07/4/2022 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định 635/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông N là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[5.2] Về nội dung của quyết định:

Như đã phân tích nêu tại mục [4]; việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 502 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn tự nguyện thi hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nhưng ông N vẫn không tự nguyện chấp hành nên Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 635 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Hữu N1 về phần án phí hành chính sơ thẩm.

[7] Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Trương Hữu N thuộc đối tượng được miễn tiền án phí.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116, điểm b, g khoản 1 Điều 143, Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 28, Điều 65, Điều 66, Điều 85, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Đ a khoản 2 Điều 3, điểm d khoản 3 Điều 5, điểm đ khoản 2 Điều 38 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Hữu N. Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 35/2023/HC-ST ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu N về việc yêu cầu hủy các Quyết định số: 102/QĐ-XPVPHC ngày 12-4-2017 xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định số: 108/QĐ-CC ngày 08-5-2017 và Quyết định số: 163/QĐ-CC ngày 09-8-2017 cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu N về việc tuyên bố hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ cưỡng chế thực hiện biện pháp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không giải quyết khiếu nại các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ về việc xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế đất của ông N là trái pháp luật.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu N về việc hủy các Quyết định số: 502/QĐ-UBND ngày 15-02-2022 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số: 635/QĐ-CCXP ngày 07-4-2022 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa của ông Trương Hữu N về việc công nhận quyền sử dụng diện tích đất đã bị cưỡng chế trường hợp phù hợp quy hoạch sử dụng đất hoặc buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường nếu thuộc trường hợp quy hoạch là đất công cộng.

6. Về án phí:

6.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trương Hữu N thuộc đối tượng được miễn tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông N 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000323 ngày 22/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

6.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trương Hữu N thuộc đối tượng được miễn tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông N 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000064 ngày 07/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đắk Nông; (1)
- VKSND tỉnh Đắk Nông; (1)
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (2)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA - Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh